TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI BÌNH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2024/DS-ST
Ngày: 30-9-2024
V/v Tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Bảo Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Phi Hùng

Ông Hồ Quốc Văn

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Phượng Kiều, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 112/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024, về việc "Tranh chấp hụi".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 310/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Văn C, sinh năm 1962, có mặt

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C: Luật sư Kim Chan Đ Ra là Luật sư thực hiện Trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C, có mặt.

Bị đơn:

- Bà Phạm Kim H (tên gọi khác Phạm Thị Hoàng E), sinh năm 1973, vắng mặt
- Ông Võ Văn N, sinh năm 1975, vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thu B, sinh năm 1965, có mặt

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/5/2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/6/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Võ Văn C, bà Huỳnh Thu B trình bày:

Bà B, ông C có làm chủ hụi. Ông N, bà H có tham gia góp hụi, cụ thể như sau:

Dây 1: Khui ngày 15/8/2019, loại hụi 2.000.000 đồng, gồm 34 chân, ông N tham gia 01 chân, hốt hụi lần thứ 2, số tiền 43.560.000 đồng, ông N đóng hụi chết được 21 lần, còn lại 12 lần chưa đóng với số tiền là 24.000.000 đồng.

Dây 2: Khui ngày 18/01/2020, loại hụi 2.000.000 đồng, gồm 31 chân, ông N tham gia 01 chân, hốt hụi lần thứ 1, số tiền 41.000.000 đồng, ông N đóng hụi chết được 17 lần, còn lại 13 lần chưa đóng với số tiền là 26.000.000 đồng.

Dây 3: Khui ngày 29/4/2020, loại hụi 2.000.000 đồng, gồm 31 chân, ông N tham gia 01 chân, hốt hụi lần thứ 2, số tiền 42.180.000 đồng, ông N đóng hụi chết được 14 lần, còn lại 16 lần chưa đóng với số tiền là 32.000.000 đồng.

Dây 4: Khui ngày 13/10/2020, loại hụi 2.000.000 đồng, gồm 34 chân, ông N tham gia 01 chân, hốt hụi lần thứ 1, số tiền 46.850.000 đồng, ông N đóng hụi chết được 08 lần, còn lại 25 lần chưa đóng với số tiền là 50.000.000 đồng.

Dây 5: Khui ngày 13/10/2020, loại hụi 1.000.000 đồng, gồm 34 chân, ông N tham gia 01 chân, hốt hụi lần thứ 1, số tiền 24.250.000 đồng, ông N đóng hụi chết được 07 lần, còn lại 26 lần chưa đóng với số tiền là 26.000.000 đồng.

Dây 6: Khui ngày 13/10/2020, loại hụi 1.000.000 đồng, gồm 34 chân, ông N tham gia 01 chân, hốt hụi lần thứ 5, số tiền 24.660.000 đồng, ông N đóng hụi chết được 07 lần, còn lại 26 lần chưa đóng với số tiền là 26.000.000 đồng.

Dây 7: Khui ngày 09/5/2021, loại hụi 2.000.000 đồng, gồm 29 chân, ông N tham gia 01 chân, hốt hụi lần thứ 1, số tiền 38.200.000 đồng, ông N chưa đóng hụi chết được lần nào, ông N phải đóng 28 lần hụi chết với số tiền là 56.000.000 đồng.

Tổng cộng, ông N, bà H phải đóng tiền hụi chết cho ông C, bà B là 240.000.000 đồng. Ông N có thanh toán nợ nhiều lần được 19.000.000 đồng. Còn lại 221.000.000 đồng.

Nay bà B, ông C yêu cầu ông N, bà H phải thanh toán cho ông bà số tiền hụi còn nợ là 221.000.000 đồng. Ông bà không yêu cầu thanh toán lãi.

* Tại biên bản hòa giải, biên bản hòa giải thành ngày 30/5/2024, đơn trình ngày 03/6/2024, ông Võ Văn N trình bày:

Tại biên bản hòa giải, biên bản hòa giải thành ngày 30/5/2024, ông N thống nhất với trình bày của bà B, ông C. Ông thừa nhận còn nợ bà B, ông C 180.000.000 đồng tiền hụi. Ông thống nhất cùng với bà H thanh toán cho bà B, ông C số tiền 180.000.000 đồng.

Đến ngày 03/6/2024, ông N có thay đổi ý kiến tại biên bản hòa giải thành. Ông xác định đã thanh toán tổng cộng cho bà B, ông C số tiền 19.000.000 đồng nên yêu cầu trừ vào số tiền nợ 180.000.000 đồng.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2024, bà Phạm Kim H trình bày:

Bà thống nhất cùng với ông N thanh toán cho bà B, ông C số tiền hụi còn nợ là 180.000.000 đồng.

* Tại phiên toà:

- Ông Đa R xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng vì quá trình giải quyết vụ án bị đơn thừa nhận có nợ tiền hụi của nguyên đơn như nguyên đơn trình bày. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Bà B, ông C thống nhất với trình bày của ông Đa R.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Võ Văn C khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn N, bà Phạm Kim H thanh toán tiền nợ hụi nên đây là tranh chấp hụi. Ông N, bà H có địa chỉ tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông N, bà H vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, thể hiện vào các ngày 15/8/2019, 18/01/2020, 29/4/2020, 13/10/2020, 09/5/2021, bà B, ông C có mở 07 dây hụi, có danh sách hụi. Ông N, bà H tham gia mỗi dây 01 chân hụi, đều đã hốt hụi nhưng còn nợ lại tiền hụi chết. Việc này, ông N thừa nhận tại biên bản hòa giải ngày 30/5/2024. Do đó, xác định các đương sự có tham gia góp hụi với nhau là có thật và hợp pháp.

[4] Theo bà B, ông C xác định bà H, ông N còn nợ vợ chồng bà tiền hụi chết của 07 dây hụi là 240.000.000 đồng. Tại Biên bản hòa giải ngày 30/5/2024, bà B, ông C thống nhất đối trừ số tiền 19.000.000 đồng mà ông N, bà H đã đóng. Bớt đi số tiền còn lại, ông bà chỉ yêu cầu ông N, bà H thanh toán 180.000.000 đồng. Ông N, bà H cũng thống nhất thanh toán cho bà B, ông C số tiền 180.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó ông N có thay đổi ý kiến là yêu cầu đối trừ số tiền 19.000.000 đồng vào số tiền 180.000.000 mà vợ chồng ông phải thanh toán cho bà B, ông C.

Xét thấy, tại biên bản hòa giải, ông N thừa nhận bà B, ông C trình bày chính xác về thời gian mở hụi, số chân hụi ông tham gia và số tiền hụi còn nợ. Mặc khác, tại tờ "Danh sách nợ hụi thành viên Võ Văn N" do bà B, ông C cung cấp có thể hiện nội dung "số tiền nợ hụi chưa mãn một trăm tám chục triệu... tổng tiền nợ 240.000.000 đồng", ông N có ký tên nhận nợ. Tại tờ cam kết ngày 08/12/2022, ông

N xác định có nợ bà B, ông C số tiền 160.500.000 đồng trong năm 2022, năm 2023 nợ số tiền 68.000.000 đồng, ông N cam kết mỗi tháng trả cho bà B, ông C 3.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong nợ.

Như vậy, có cơ sở xác định số tiền hụi ông N, bà H ban đầu theo tính toán cho đến khi mãn hụi là 240.000.000 đồng. Đến thời điểm ngày 08/12/2022, sau khi đối trừ số tiền ông N đã thanh toán là 11.500.000 đồng, các bên chốt lại số tiền nợ của năm 2022 và tính đến mãn hụi năm 2023, tổng cộng là 228.500.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà B, ông C và ông N đều thống nhất xác định từ trước đến nay, ông N, bà H thanh toán cho bà B, ông C được 19.000.000 đồng tiền nợ hụi. Do đó, cần đối trừ số tiền này vào tổng tiền nợ hụi là 240.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 221.000.000 đồng. Sau khi ông N có yêu cầu thay đổi thỏa thuận tại biên bản hòa giải thành, thì ông N, bà H không đến Tòa án tham gia hòa giải cũng như xét xử vụ án. Do đó không có cơ sở xác định ông N có thanh toán thêm được khoản tiền nào từ ngày lập biên bản hòa giải thành cho đến nay không.

Việc ông N, bà H không thanh toán tiền hụi cho bà B, ông C là vi phạm thỏa thuận góp hụi và ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp bà B, ông C. Hiện tại, các dây hụi này đều đã kết thúc. Do đó, cần buộc ông N, bà H thanh toán cho bà B, ông C số tiền hụi còn nợ là 221.000.000 đồng.

[5] Đối với trình bày của ông N tại đơn trình ngày 03/6/2024, có thể hiện nội dung liên quan đến việc ông N đã thanh toán cho bà H1 số tiền 10.000.000 đồng theo yêu cầu của bà B để bà H1 trừ nợ cho bà B. Việc này, bà B, ông C không thừa nhận. Tại phiên toà, bà B, ông C xác định không biết bà H1 là ai. Mặc khác, sau khi nộp văn bản về việc thay đổi ý kiến hòa giải thành thì ông N, bà H không đến Tòa án tham gia hòa giải cũng như xét xử cho nên Tòa án không thu thập được đầy đủ thông tin của bà H1. Đồng thời, tại đơn trình bày, ông N xác định tổng cộng thanh toán cho bà B, ông C được 19.000.000 đồng, bao gồm số tiền đã trả cho bà H1 là 10.000.000 đồng. Bà B, ông C cũng thừa nhận tổng số tiền ông N đã thanh toán là 19.000.000 đồng. Các đương sự trình bày thống nhất về số tiền đã thanh toán nên không cần phải làm rõ vấn đề này. Do đó, Hội đồng xét xử không đưa bà H1 vào tham gia tố tụng tại vụ án.

Trường hợp sau này ông N cung cấp được chứng cứ chứng minh về việc có đối trừ khoản nợ của bà B, ông C với bên thứ ba thì có quyền yêu cầu trừ bớt số tiền phải thanh toán cho bà B, ông C ở giai đoạn thi hành án. Vấn đề này, tại phiên toà, bà B, ông C cũng thống nhất.

[6] Về lãi suất chậm thi hành án: Ông N, bà H phải chịu theo quy định pháp luật.

[7] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí.

[8] Tại phiên tòa, bà B, ông C có mặt nên thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày tuyên án. Ông N, bà H vắng mặt, nên thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn C về việc yêu cầu ông Võ Văn N, bà Phạm Kim H thanh toán tiền nợ hụi. Buộc ông Võ Văn N, bà Phạm Kim H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Võ Văn C, bà Huỳnh Thu B số tiền hụi còn nợ là 221.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi mốt triệu đồng).

2. Kể từ ngày ông C, bà B có đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp ông N, bà H chậm thanh toán khoản tiền nói trên thì ông N, bà H còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông N, bà H phải chịu 11.050.000 đồng (Mười một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Bà B, ông C không phải chịu án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bà B, ông C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông N, bà H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Bảo Trâm